



办 公 室

bàngōngshì · biện công thất · văn phòng

bàn

丿 力 力 办

办 办 办 办

gōng

ノ 八 公 公

公 公 公 公

shì

丶 宀 宀 宀 宀 宀 宀 宀 室 室

室 室 室 室